TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **167**/2025/DS-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam;

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 6642024/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp P, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976;

Địa chỉ liên hệ: 141A/4, khu phố 10, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 23B/5, tổ 15, khu phố 4, phường T1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai).

(Ông H, bà L có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L có quan hệ quen biết với nhau thông qua việc vay mượn tiền và đảm bảo các khoản vay cho nhau. Vào ngày 20/8/2021, khi đang trong thời điểm dịch Covid -19, bà L có gọi điện cho ông T để vay số tiền 100.000.000 đồng, bà L nói vay số tiền này để trả nợ cho người khác. Ông T đồng ý và đã chuyển vào Tài khoản số 91211359 đứng tên chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Kim L tại Ngân hàng ACB - Phòng giao dịch Hố Nai cho bà Nguyễn Thị Kim L vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi suất, bà L nói sẽ trả ngay cho ông T. Nhưng sau đó bà L không trả nợ như đã cam kết mặc dù ông T đã liên hệ đòi nợ nhiều lần.

Qúa trình Tòa án giải quyết vụ án, bà L trình bày số tiền ông T chuyển khoản không phải là cho bà L mượn, mà do ông T mua củi để đốt lò gạch, nhưng bà L không có củi nên đã hoàn trả cho ông T và cung cấp 03 Phiếu chuyển khoản từ tài khoản của bà L vào tài khoản của ông T tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 17/11/2021 (Bao gồm Phiếu số tiền 20.000.000đồng, Phiếu số tiền 30.000.000đồng và Phiếu số tiền 50.000.000đồng). Ông không đồng ý với trình bày của bà L, ông T không chuyển tiền cho bà L mua củi dùng để đốt lò gạch. Số tiền 100.000.000 đồng ông T chuyển cho bà L là tiền bà L vay của ông T.

Khoản tiền 100.000.000 đồng bà L chuyển trong ngày 17/11/2021 cho ông T là thanh toán tiền bà L nhận chuyển nhượng đất của ông T. Bà L cũng đã thừa nhận số tiền bà chuyển khoản cho ông T 100.000.000 đồng ngày 17/11/2021 là tiền thanh toán nhận chuyển nhượng thửa đất số 384, tờ bản đồ số 63 tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và thừa nhận việc ông T liệt kê các khoản tiền bà L trả tiền nhận quyền sử dụng đất là đúng.

Đối với trình bày của bà L rằng ông T có nhiều lần vay tiền mặt của bà và khoản tiền 100.000.000 đồng ông T chuyển cho bà ngày 17/11/2021 là do ông T dùng để thanh toán các khoản nợ này. Ông xác định, ông T có quan hệ vay mượn qua lại với bà L nhưng tất cả đã được thanh toán xong, riêng khoản tiền 100.000.000 đồng bà L vay của ông T ngày 17/11/2021, bà L chưa thanh toán cho ông T.

Ngòai ra bà L trình bày, việc ông T chuyển tiền cho bà chỉ ghi nội dung "CHUYEN TIEN" nhưng nói đây là khoản tiền bà L vay ông T là không có cơ sở. Ông xác định, đây là khoản tiền bà L vay của ông đến nay chưa trả cho ông.

Nay ông T khởi kiện đến Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Đồng Nai đề nghị tòa án giải quyết buộc bà L trả cho ông 100.000.000 đồng tiền đã vay ngày 17/11/2021 và không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày tại các bản tự khai, tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà và ông Phan Văn T có làm ăn qua lại với nhau. Do thời gian xảy ra cách đây lâu và đang trong quá trình điều trị bệnh bà chưa thể nhớ rõ từng chỉ tiết cụ thể để chứng minh rằng mình không vay mượn gì với ông Phan Văn T.

Vào thời điểm năm 2020, khi vẫn đang trong thời gian dịch covid, ông T thường hay vay mượn tiền của bà. Thời điểm đó ông bà dựa trên sự tin tưởng lẫn

nhau, khi ông T hay mượn tiền mặt của bà đã không viết giấy tờ gì nên không có chứng cứ gì để nộp cho Tòa án.

Theo như đơn kiện của ông Phan Văn T ngày 16/6/2025, kiện bà về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" yêu cầu bà trả 100.000.000 đồng, với chứng cứ là giấy nộp tiền với nội dung "CHUYEN TIEN" không thể hiện nội dung bà mượn tiền hay vay tiền là vô căn cứ. Bà xác định khoản tiền này được chuyển đến tài khoản của bà vào ngày 20/08/2021. Nhưng bà không ký giấy tờ hay hợp đồng vay mượn gì với ông T, mà khoản tiền này là ông T chuyển trả nợ cho bà. Bà xác định không nợ tiền ông T nên không đồng ý trả.

Theo bản tự khai của bà ngày 02/07/2025, bà có trình bày rằng số tiền 100.000.000 đồng ông T chuyển đến tài khoản của bà vào ngày 20/08/2021 là tiền ông T chuyển tiền mua vỏ cây và sau đó bà đã chuyển trả lại và cung cấp bằng chứng đã chuyển lại cho ông T 100.000.000 đồng vào ngày 17/11/2021 bằng 3 lần chuyển như đã cũng cấp cho Toà. Nhưng sau khi về kiểm tra lại, bà mới nhớ rằng giao dịch ngày hôm đó chính là giao dịch 100.000.000 đồng bà chuyển tiền thanh toán thửa đất số 384, tờ bản đồ số 63, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai là đúng.

Tại thời điểm ông T chuyển khoản tiền 100.000.000 đồng cho bà, ông T còn đang nợ tiền bà nên trình bày của ông T rằng khoản tiền này bà vay ông T là không hợp lý. Cụ thể ngày 06/09/2021, ông T viết giấy nhận cọc để bán cho bà thửa đất số 389, tờ bản đồ số 63, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai có diện tích 2.051 m2 với giá 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng). Thời điểm này ông T đã xác nhận, nhận cọc của bà với số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) số tiền này là bà đã cấn trừ với số tiền mà ông T đã nợ bà trước đó. Vì ông T thường hay mượn bà rất nhiều tiền.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu:

* *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

* *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Hồ sơ vụ án thể hiện, Vào ngày 20/8/2021, ông Phan Văn T có chuyển vào Tài khoản số 91211359 đứng tên chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Kim L tại Ngân hàng ACB - Phòng giao dịch Hố Nai số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc chuyển tiền đã được ông T cung cấp bản sao kê và bà L cũng thừa nhận có nhận số tiền trên vào ngày 20/8/2021 nên đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại điều 92 BLTTDS 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu, bà L cho rằng bà đã chuyển trả lại số tiền trên và cung cấp bằng chứng đã chuyển lại cho ông T 100.000.000 đồng vào ngày 17/11/2021 bằng 3 lần chuyển khoản như đã cũng cấp cho Toà án. Nhưng sau

đó bà L thay đổi lời trình bày cho rằng giao dịch ngày 17/11/2021 với số tiền 100.000.000 đồng là số tiền bà L chuyển tiền thanh toán thửa đất số 384, tờ bản đồ số 63, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Lời trình bày của bà L là hoàn toàn phù hợp với chứng cứ tại biên bản đối chất giữa ông T và bà L vào ngày 21/3/2023 và lời trình bày của ông T. Theo đó, bà L thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng trên là số tiền bà chuyển trả nợ tiền đất chứ không phải là trả nợ khoản tiền ông T chuyển ngày 20/8/2021.

Như vậy, bà L không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho việc bà đã chuyển trả lại cho ông T số tiền 100.000.000 đồng nên việc ông T yêu cầu bà trả lại số tiền mà ông T chuyển vào Tài khoản số 91211359 đứng tên bà L ngày 20/8/2021 là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L có địa chỉ sinh sống tại 23B/4, khu phố 4, phường T1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có mặt tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay của nguyên đơn. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T, yêu cầu bà L trả cho ông 100.000.000 đồng tiền đã vay ngày 17/11/2021 và không yêu cầu trả lãi.

Xét thấy, vào ngày 20/8/2021, ông Phan Văn T có chuyển vào Tài khoản số 91211359 đứng tên chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Kim L tại Ngân hàng ACB - Phòng giao dịch Hố Nai số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc chuyển tiền đã được ông T cung cấp bản sao kê và được bà L thừa nhận.

Ông T khởi kiện yêu tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tuy nhiên ông không có chứng cứ gì để chứng minh khoản tiền 100.000.000 đồng, ông chuyển vào tài khoản của bà L ngày 20/8/2021 là tiền ông cho bà L vay. Trong khi đó bà L không thừa nhận đây là khoản tiền bà vay của ông T, do đó trình bày của ông T đây là khoản tiền vay là không có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng bà đã chuyển trả lại số tiền trên và cung cấp bằng chứng đã chuyển lại cho ông T 100.000.000 đồng vào ngày

17/11/2021 bằng 3 lần chuyển khoản như đã cũng cấp cho Toà án. Nguyên đơn không đồng ý với trình bày của bà L về việc đã thanh toán khoản tiền. Sau đó bà L thay đổi lời trình bày cho rằng giao dịch ngày 17/11/2021 với số tiền 100.000.000 đồng là số tiền bà L chuyển tiền thanh toán thửa đất số 384, tờ bản đồ số 63, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Lời trình bày của bà L là phù hợp với chứng cứ tại biên bản đối chất giữa ông T và bà L vào ngày 21/3/2023 và lời trình bày của ông T. Theo đó, bà L thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng trên là số tiền bà chuyển trả nợ tiền mua đất chứ không phải là trả nợ khoản tiền ông T chuyển ngày 20/8/2021.

Sau đó, bà L trình bày rằng, đã cho ông T vay nhiều lần bằng tiền mặt và số tiền 100.000.000 đồng ông T chuyển cho bà ngày 20/8/2021 là để thanh toán khoản nợ mà ông T nợ bà. Tuy nhiên bà L không có chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở. Trong khi đó nguyên đơn không thừa nhận việc có nợ tiền của bị đơn và khoản tiền 100.000.000 đồng ông chuyển cho bà L là để thanh toán nợ.

Như vậy, bà L thừa nhận có nhận chuyển khoản của ông T 100.000.000 đồng, ngày 20/8/2021 nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho việc bà đã trả lại cho ông T số tiền này hay việc ông T chuyển số tiền này là để thanh toán nợ cho bà như bà trình bày. Nên việc ông T yêu cầu bà trả lại số tiền 100.000.000 đồng mà ông T chuyển vào Tài khoản số 91211359 đứng tên bà L ngày 20/8/2021 là có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc bà L phải trả cho ông số tiền đã nhận chuyển khoản của ông.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (100.000.000 đồng x 5%).

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 203, 205, 207, 227, 228, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán cho ông Phan Văn T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Tam **Huỳnh Phi Hổ** **Nguyễn Thị Nhàn**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**